



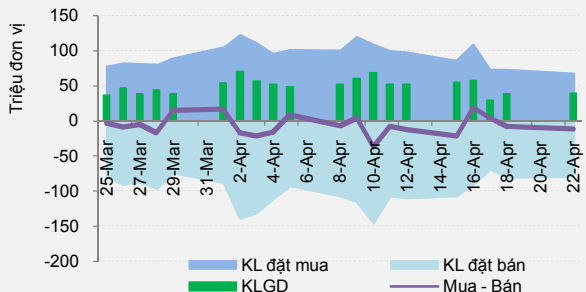
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 22/4/2013

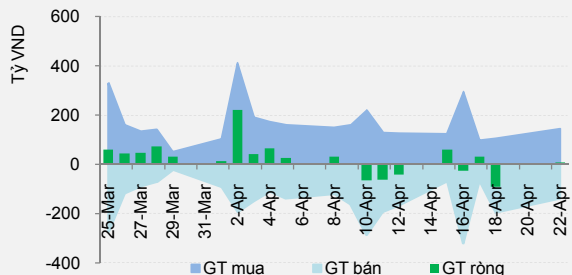
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	468.4	57.6
% Thay đổi	↓ -1.0%	↓ -1.3%
KLGD (CP)	39,686,012	26,942,243
GTGD (tỷ đồng)	656.08	200.36
Tổng cung (CP)	78,779,780	51,970,800
Tổng cầu (CP)	67,342,050	44,181,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,428,390	784,300
KL mua (CP)	3,840,870	1,030,600
GTmua (tỷ đồng)	144.28	25.04
GT bán (tỷ đồng)	137.51	7.60
GT ròng (tỷ đồng)	6.78	17.44

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.10%	7.3	1.4	1.7%
Công nghiệp	↓ -2.07%	17.6	0.9	18.1%
Dầu khí	↓ -1.12%	5.5	0.9	1.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.07%	8.0	1.4	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.50%	7.3	2.4	1.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.19%	12.6	5.2	19.4%
Ngân hàng	↓ -1.37%	5.4	1.3	10.7%
Nguyên vật liệu	↓ -0.76%	7.8	2.1	9.6%
Tài chính	↓ -1.36%	23.0	2.5	26.7%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -1.54%	9.7	3.2	8.2%
VN - Index	↓ -1.01%	13.0	3.0	77.0%
HNX - Index	↓ -1.29%	13.9	1.4	23.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau phiên hồi lại với lực cầu suy yếu giữa tuần trước thì thị trường đã quay đầu tiếp tục giảm điểm trở lại và có hai phiên giảm điểm liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục tăng lên cho thấy áp lực cung tăng trong những phiên giảm điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì việc mua vào cổ phiếu sẽ có nhiều rủi ro. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm.

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 468.43 điểm, giảm 4.78 điểm điểm tương ứng với mức 1.01% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 37.04 triệu đơn vị, tăng 5.18% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm khá mạnh về mức 57.61 điểm, giảm 0.75 điểm điểm tương ứng với mức 1.29% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 25.49 triệu đơn vị, giảm 5.25% so với phiên trước.

- Thống đốc NHNN tuyên bố sẽ giãn tiến độ áp dụng Thông tư 02 về phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, theo đúng kế hoạch sẽ có hiệu lực từ 30/6/2013.

- Trên thực tế, Thông tư 02 quy định chặt chẽ hơn về việc phân loại nợ, kể cả nợ trên thị trường liên Ngân hàng, thẻ tín dụng. Điều này tạo áp lực đến việc trích lập dự phòng của các tổ chức tín dụng, trong bối cảnh tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống vẫn ở mức cao. Việc áp dụng Thông tư 02 cũng ảnh hưởng đến tổ chức tín dụng, khi việc cơ cấu lại khoản nợ theo Quyết định 780 của NHNN sau 1 năm áp dụng, hiện đã đến hạn thanh toán, trong khi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn. Với khoản nợ 272 nghìn tỷ đồng được cơ cấu lại theo Quyết định 780, và lượng nợ xấu trên thị trường 2 không nhỏ, việc NHNN giãn thời hạn áp dụng Thông tư 02 là thông tin tích cực. Dự kiến NHNN sẽ sớm ban hành văn bản cụ thể về thời hạn giãn áp dụng toàn bộ/một số điều của Thông tư 02.

- Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do cuối tuần qua tăng mạnh, lên mức cao nhất là 21,700 VND = 1 USD. Tỷ giá VND/USD do các NHTM niêm yết sau biến động của thị trường tự do đã tăng nhẹ trong phiên đầu tuần, hiện khoảng 20875/20925.

- Nhu cầu mua USD tăng mạnh do 1/ hoạt động nhập lậu vàng khi chênh lệch giá vàng trong nước và Thế giới lên tới 6.5 triệu đồng/lượng; 2/ quan ngại về khả năng đổi tiền nếu đề xuất đổi tiền nước được thông qua. Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ - NHNN đã bác bỏ tin đồn đổi tiền, giúp giá USD trên thị trường tự do hạ nhiệt xuống khoảng 21,300 VND. Tuy nhiên, nhu cầu mua USD phục vụ nhập lậu vàng là có thực, khi lực mua vàng tăng sức khi giá vàng giảm mạnh tuần qua không nhỏ.

- Việt Nam đã tổ chức buổi roadshow quốc tế tại Singapore vào ngày 15/4, với sự tham gia của Deutsche Bank, HSBC và Standard Chartered. Mục đích của buổi roadshow là thu hút sự quan tâm của các tổ chức quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho phát hành trái phiếu quốc tế, thu hút nguồn tài chính phục vụ xử lý nợ xấu và thúc đẩy tăng trưởng. Chương trình này sẽ tiếp tục được tổ chức tại London và Mỹ.

- Ngày 15/4, theo đồng hồ nợ công toàn cầu, chỉ số nợ công của Việt Nam hiện đang chiếm 49.2% GDP. Số liệu này thấp hơn nợ công của 2 năm 2010 và 2011 do Bộ Tài chính công bố, tương đương 56.3% và 54.9% GDP. Nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ so với thu ngân sách năm 2010 là 17,6% và năm 2011 là 15,6%. Theo thống lệ quốc tế, chỉ tiêu trả nợ Chính phủ so với thu ngân sách dưới 35% được coi là an toàn. Như vậy nợ công của Việt Nam vẫn trong tầm kiểm soát. Do nhu cầu đầu tư phát triển, Quốc hội đã thống nhất về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, theo đó dự nợ công tới năm 2015 lên tới 65% GDP.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 468.43 điểm, giảm 4.78 điểm tương ứng với mức 1.01% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Sau phiên hồi lại với lực cầu suy yếu giữa tuần trước thì chỉ số VN-Index đã quay đầu tiếp tục giảm điểm trở lại và có hai phiên giảm điểm liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục tăng lên cho thấy áp lực cung tăng trong những phiên giảm điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì việc mua vào cổ phiếu sẽ có nhiều rủi ro. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm khá mạnh về mức 57.61 điểm, giảm 0.75 điểm tương ứng với mức 1.29% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideways với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cắt xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index sau khi giảm điểm qua trendline ngắn hạn với mức mạnh đã hồi lại cùng với tín hiệu sụt giảm của lực cầu. Sau phiên hồi này thì thị trường với lực cầu sụt giảm này thì chỉ số HNX-Index đã có ba phiên giảm điểm liên tiếp. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì việc mua vào cổ phiếu sẽ có nhiều rủi ro. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán không mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường giảm điểm mạnh trên cả hai sàn với thanh khoản thấp. Lực mua yếu là nguyên nhân khiến thị trường giảm mạnh, khi nhà đầu tư chọn lựa vị thế an toàn trước kỳ nghỉ lễ. Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Chúng tôi cũng bảo lưu đánh giá nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền, khi thị trường đảo chiều xu hướng.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu thịnh dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu có kế hoạch cổ tức năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	1,963	-0.53%	83,689	2,087	20,201	3.49%	8.47%	55.58	7,999	1.36	5.74	4.31%
VIC	1,847	124.93%	153,434	2,041	15,071	3.44%	18.42%	30.38	3,974	0.48	4.11	-5.22%
PVI	389	11.80%	15,243	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.65	3,323	0.54	0.60	-5.95%
BVH	1,431	19.17%	479,396	1,981	17,802	3.00%	11.34%	24.07	3,184	2.10	2.68	-14.29%
HAG	365	-68.73%	795,544	648	18,150	1.23%	3.65%	34.43	2,881	1.61	1.23	-13.84%
GMD	115	1808.36%	672,919	944	40,143	1.52%	2.40%	34.42	2,471	1.60	0.81	25.00%
HPG	1,031	-16.63%	751,047	2,385	19,294	5%	13%	11.24	2,207	1.54	1.39	3.42%
KDC	357	30.45%	60,267	2,241	25,076	6.24%	9.02%	21.77	2,190	0.35	1.95	7.82%
PVD	1,448	35.66%	293,140	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.03	1,382	1.26	1.25	-5.68%
VNM	5,819	37.97%	339,522	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.76	1,277	0.86	6.67	20.19%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	1,963	-0.53%	83,689	2,087	20,201	3.49%	8.47%	55.58	5,967	1.36	5.74	4.31%
VNM	5,819	37.97%	339,522	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.76	5,199	0.86	6.67	20.19%
GAS	10,102	70.84%	815,593	5,175	14,350	21.61%	38.71%	10.72	5,072	0.84	3.87	19.61%
FPT	1,985	18.04%	243,445	5,670	22,574	10.57%	26.32%	6.70	3,181	1.02	1.68	-1.27%
PVD	1,448	35.66%	293,140	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.03	2,043	1.26	1.25	-5.68%
DPM	3,068	-1.17%	555,036	7,984	23,579	30.36%	35.11%	5.49	1,975	1.19	1.86	-2.42%
BVH	1,431	19%	479,396	1,981	17,802	3.00%	11.34%	24.07	1,726	2.10	2.68	-14.29%
PVS	1,263	-11.02%	913,812	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.23	1,568	0.76	0.65	-10.90%
HAG	365	-68.73%	795,544	648	18,150	1.23%	3.65%	34.43	1,497	1.61	1.23	-13.84%
HPG	1,031	-16.63%	751,047	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.24	1,393	1.54	1.39	3.42%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ KẾ HOẠCH TRẢ CỔ TÚC NĂM 2013 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
PHR	228	34.85%	132,756	7,587	24,897	19.44%	31.78%	4.30	1	0.50	1.31	3,000
NSC	16	-14.12%	9,862	7,793	26,687	20.54%	32.20%	8.85	0	0.40	2.59	3,000
TRC	0	-	10,248	11,613	43,444	23.13%	28.20%	4.22	0	0.09	1.13	3,000
DRL	8	0.01%	2,380	4,109	11,509	31.42%	33.36%	5.96	0	0.00	2.13	3,000
SEB	15	-33.77%	4,000	5,023	15,967	17.80%	33.03%	4.88	1	0.37	1.53	2,600
C47	3	-52.34%	5,487	2,686	19,440	1.47%	13.92%	6.22	9	-0.12	0.86	2,500
KSB	0	-	15,209	5,021	24,831	13.42%	20.75%	4.22	1	0.35	0.85	2,500
HRC	1	-96.58%	663	5,141	28,060	13.91%	18.88%	9.63	0	0.22	1.76	2,500
HAI	0	-	451	2,769	23,684	6.97%	12.51%	7.55	1	0.65	0.88	2,000
CAP	3	149.60%	7,762	11,964	27,236	20.38%	47.18%	4.51	1	-0.47	1.98	2,000

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

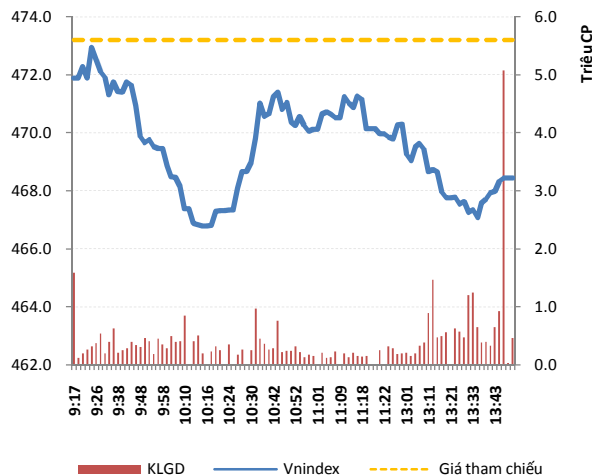
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 22/04/2013.

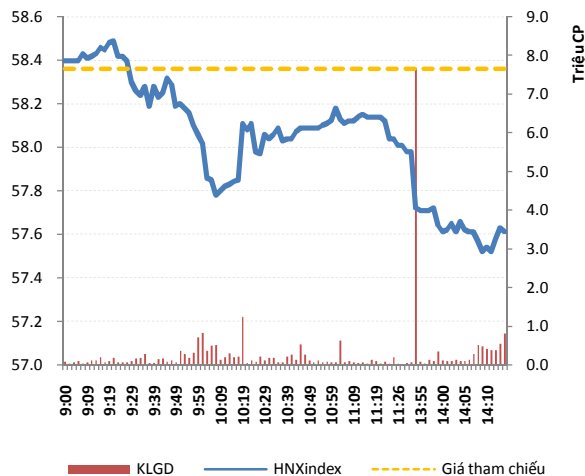


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

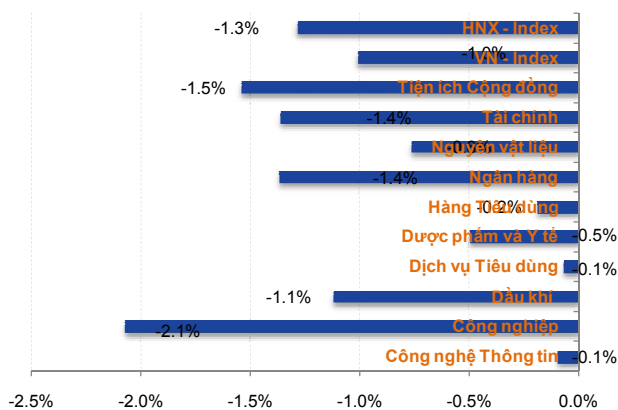
KLGD và VN-Index trong phiên



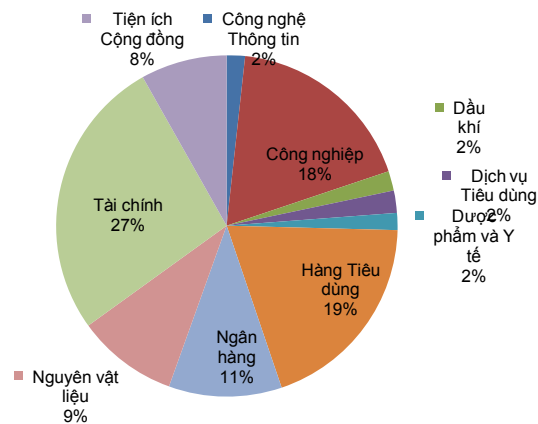
KLGD và HNX-Index trong phiên



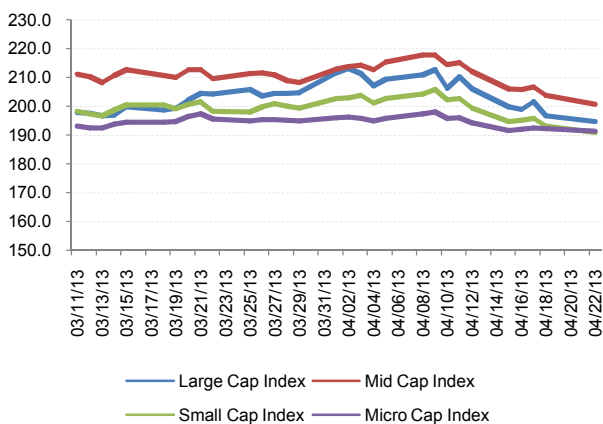
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



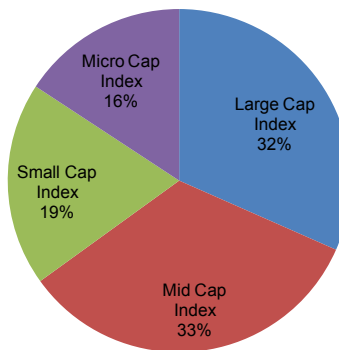
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PET	228,050	ITA	1,168,660
2	KDC	223,520	OGC	374,440
3	VOS	214,770	STB	223,760
4	DQC	128,520	PVF	178,600
5	PVT	115,000	VIC	146,720

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PGS	179,700	VCG	304,400
2	DXP	108,200	PVX	229,500
3	SHB	106,500	PVS	30,400
4	VND	85,100	KLS	5,200
5	SDT	59,600	NBC	5,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	5.9	5.6	↓ -5.08%	3,548,100
CII	22.0	20.5	↓ -6.82%	2,099,500
CTG	18.4	18.1	↓ -1.63%	1,511,270
VHG	3.6	3.4	↓ -5.56%	1,297,800
VIP	6.9	7.3	↑ 5.80%	1,155,790

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.5	6.3	↓ -3.08%	5,368,650
SCR	6.6	6.1	↓ -7.58%	3,883,180
KLS	8.2	8.0	↓ -2.44%	2,044,200
PVX	4.3	4.3	→ 0.00%	1,816,100
SHS	6.3	6.0	↓ -4.76%	1,604,200

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
SCD	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
TMS	21.7	23.2	1.5	↑ 6.91%
DTT	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
SVI	36.5	39.0	2.5	↑ 6.85%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GGG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
CVN	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
DST	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
TET	14.0	15.4	1.4	↑ 10.00%
S55	21.2	23.3	2.1	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CDC	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
VNL	12.9	12.0	-0.9	↓ -6.98%
VPH	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
AGF	23.1	21.5	-1.6	↓ -6.93%
GMD	30.7	28.6	-2.1	↓ -6.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SD8	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
HHL	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
TAG	32.0	28.8	-3.2	↓ -10.00%
VBC	34.0	30.6	-3.4	↓ -10.00%
VDS	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	3,548,100	0.6%	71	78.3	0.4
CII	2,099,500	31.0%	3,694	5.5	1.6
CTG	1,511,270	19.8%	2,342	7.7	1.4
VHG	1,297,800	-9.6%	(1,446)	-	0.2
VIP	1,155,790	6.3%	917	8.0	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	5,368,650	22.0%	2,761	2.3	0.6
SCR	3,883,180	4.0%	622	9.8	0.4
KLS	2,044,200	0.4%	55	146.2	0.6
PVX	1,816,100	-47.8%	(3,714)	-	0.6
SHS	1,604,200	-0.1%	(10)	-	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 12.5%	-18.8%	(1,800)	(0.5)	0.1
SCD	↑ 6.9%	14.9%	2,964	4.7	0.7
TMS	↑ 6.9%	15.9%	3,872	6.0	0.9
DTT	↑ 6.9%	-2.5%	(340)	(18.2)	0.5
SVI	↑ 6.8%	30.9%	6,856	5.7	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GGG	↑ 12.5%	-132.0%	(2,838)	(0.3)	1.2
CVN	↑ 10.0%	0.8%	92	48.0	0.4
DST	↑ 10.0%	-0.7%	(76)	(58.0)	0.4
TET	↑ 10.0%	11.7%	1,619	9.5	1.2
S55	↑ 9.9%	14.1%	7,163	3.3	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	228,050	15.3%	2,709	6.2	0.9
KDC	223,520	9.0%	2,239	21.1	1.9
VOS	214,770	-2.4%	(251)	-	0.4
DQC	128,520	6.3%	2,231	12.5	0.9
PVT	115,000	4.5%	470	8.9	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PGS	179,700	19.5%	3,981	4.4	0.8
DXP	108,200	38.0%	9,957	6.3	2.2
SHB	106,500	22.0%	2,761	2.3	0.6
VND	85,100	6.8%	758	11.2	0.8
SDT	59,600	17.0%	4,487	3.0	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	101,690	41.6%	6,981	17.5	6.6
GAS	100,435	38.7%	5,175	10.2	3.7
MSN	76,288	8.5%	2,087	53.2	5.5
VCB	61,875	12.5%	2,236	11.9	1.5
VIC	56,617	18.4%	2,041	29.9	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,816	6.4%	834	19.0	1.2
SQC	8,778	12.6%	1,471	54.3	6.4
PVS	5,896	18.4%	3,211	4.1	0.6
SHB	5,582	22.0%	2,761	2.3	0.6
VCG	4,064	2.0%	291	31.6	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVF	2.56	0.7%	76	104.3	0.7
ITA	2.27	0.6%	71	78.3	0.4
BVH	2.23	11.3%	1,981	22.7	2.5
GMD	2.21	2.4%	944	30.3	0.7
KBC	2.16	-10.4%	(1,503)	-	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3.48	2.0%	291	31.6	0.8
SCR	3.16	4.0%	622	9.8	0.4
PVL	3.15	-4.9%	(526)	-	0.3
ORS	3.05	-0.3%	(24)	-	0.3
PXA	3.05	-49.5%	(4,170)	-	0.2



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)